

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN TÁC GIẢ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Nguyễn Anh Tú*, Nguyễn Thị Hồng Hạnh**

Môi trường đại học, cao đẳng chính là nơi sản sinh ra các tác phẩm được bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả và cũng chính là nơi có hoạt động sử dụng tác phẩm phong phú nhất. Các giáo trình, sách tham khảo, các công trình nghiên cứu khoa học, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ... trong trường đại học là những tài sản quan trọng trong sự nghiệp đào tạo của nhà trường và ứng dụng cho xã hội. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này chưa nhận được sự quan tâm thích đáng nên vẫn bị khai thác một cách tự nhiên dẫn đến nhiều tranh chấp trong thời gian gần đây. Bài viết này phân tích thực trạng quản lý quyền tác giả và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về quyền tác giả tại các trường đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: quản lý quyền tác giả; quyền tác giả; trường đại học

1. Một số vấn đề lý luận về quyền tác giả

1.1. Tác phẩm

Đối tượng bảo hộ của quyền tác giả bao gồm tất cả các sản phẩm trong các lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật được thể hiện dưới bất kỳ hình thức và bằng bất kỳ phương tiện nào, miễn là những tác phẩm đó phải là sáng tạo nguyên gốc, nghĩa là tác phẩm phải có nguồn gốc từ công sức lao động trí óc của chính tác giả và không phụ thuộc vào chất lượng, mục đích của nó.

Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT) năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 (Luật SHTT) quy định các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả cũng không nằm ngoài nguyên tắc này. Theo đó, tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm nhưng không giới hạn¹ tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác được định hình dưới dạng chữ viết, ký tự khác, đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện âm thanh, hình ảnh dưới dạng vật chất nhất định; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (gọi chung là tác phẩm điện ảnh); tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc;

bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu và các tác phẩm phái sinh không gây phương hại đến quyền tác giả sử dụng để sáng tạo.

Các tác phẩm là đối tượng của quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng bao gồm nhưng không giới hạn:

- Các loại sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu học tập (tài liệu kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn);
- Các tài liệu biên dịch, biên soạn, chuyên khảo;
- Các dự án, đề án thiết kế, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên;
- Các khóa luận, đề án tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;
- Các bài giảng, bài phát biểu, bài nói, bài thuyết trình;
- Các bài viết tham luận trong các hội thảo;
- Chương trình máy tính, chương trình đào tạo (mô tả học phần, đề cương chi tiết môn học...);

1.2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả

Theo Khoản 1 Điều 13 Luật SHTT thì “tác giả là người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ hay một phần tác phẩm”. “Sáng tạo” trong quan hệ pháp luật dân

sự về quyền tác giả được coi là việc “*sử dụng sức lao động và khả năng suy xét*” để tạo ra tác phẩm (Lê Nết, 2006). Tác giả phải gắn liền với tác phẩm cụ thể, không có khái niệm tác giả chung chung. Chính vì vậy tác phẩm phải là sáng tạo mang dấu ấn cá nhân. Hay nói cách khác, theo pháp luật Việt Nam, tác giả chỉ được thừa nhận là cá nhân trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm. Trường hợp một tác phẩm được nhiều người cùng góp sức sáng tạo ra cũng không làm thay đổi bản chất của chủ thể quyền tác giả, tức các cá nhân cụ thể và tất cả họ trở thành đồng tác giả của tác phẩm.

Tác giả, theo quy định tại Điều 19 Luật SHTT có những quyền nhân thân không thể chuyển giao như đặt tên cho tác phẩm, đứng tên tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm và có quyền nhân thân có thể chuyển giao như quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Do tác giả chỉ có thể là cá nhân cho nên không một tổ chức hay tập thể nào dưới bất kỳ điều kiện và trong trường hợp nào được công nhận là tác giả. Khác với quy định về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có thể là tổ chức hay cá nhân miễn là họ nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản (Điều 36 Luật SHTT). Quyền tài sản, theo quy định tại Điều 20 Luật SHTT bao gồm: quyền sao chép tác phẩm, làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm trước công chúng, phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác và quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Chỉ có quyền tài sản mới có thể chuyển giao nên chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp họ chính là tác giả, chỉ nắm giữ các quyền tài sản. Trường hợp ngoại lệ là quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm, là một quyền nhân thân nhưng cũng có thể được chuyển giao. Tuy nhiên việc chỉ chuyển giao quyền này sẽ không khiến người nhận trở thành chủ sở hữu tác phẩm do họ không nắm giữ bất kỳ quyền tài sản nào đối với tác phẩm (Trần Lê Hồng, 2010). Như vậy để trở thành chủ sở hữu quyền tác giả, không nhất thiết cá nhân, tổ chức phải nắm toàn bộ quyền tài sản mà chỉ cần họ nắm bất kỳ một trong số những độc quyền tài sản đã nêu tại Điều 20 Luật SHTT.

Trong đa số các trường hợp, chính tác giả, đồng tác giả sẽ đồng thời là người sở hữu quyền tác giả theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Luật SHTT. Ở đây, tác giả không chuyển giao các quyền tài sản của

mình cho các chủ thể khác cho nên vấn đề sử dụng, khai thác các quyền tài sản đối với tác phẩm chỉ phát sinh khi cần xác định mức độ “đồng tác giả” hay “đồng sở hữu”. Có hai loại đồng tác giả. Loại thứ nhất là những người cùng sáng tạo một tác phẩm thống nhất mà phần sáng tác của mỗi người không thể tách ra để sử dụng riêng hay còn gọi là đồng sở hữu quyền tác giả không thể phân chia được. Như vậy việc khai thác, sử dụng tác phẩm phải được sự đồng ý của tất cả các đồng tác giả. Loại thứ hai là những người cùng sáng tác ra một tác phẩm thống nhất nhưng có phần riêng biệt của mỗi người và có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác thì có các quyền tài sản và quyền công bố đối với phần riêng biệt đó. Một trường hợp rất phổ biến là việc sở hữu quyền tác giả trong trường hợp tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả theo Điều 740 BLDS và Điều 39 Luật SHTT.

Trước tiên, tác phẩm được tạo ra trong quá trình được tổ chức giao nhiệm vụ thì chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức giao nhiệm vụ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Tuy nhiên để áp dụng được quy định này một cách chính xác cần lưu ý hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là người được giao nhiệm vụ, tác giả của tác phẩm phải là cán bộ thuộc cơ cấu tổ chức của tổ chức giao nhiệm vụ. Hay nói cách khác, người thực hiện nhiệm vụ, được giao việc phải có quan hệ lao động, làm công với tổ chức, có thể là công chức, viên chức của cơ quan giao nhiệm vụ (thuộc biên chế của tổ chức này) hoặc là người có hợp đồng lao động với người sử dụng lao động (bất kể là hợp đồng lao động có hay không có thời hạn). Điều kiện thứ hai là việc tạo ra tác phẩm phải nằm trong chức trách, nhiệm vụ của người được giao nhiệm vụ thì người giao nhiệm vụ mới mặc định trở thành chủ sở hữu quyền tác giả, ngược lại, tác giả sẽ đồng thời là chủ sở hữu theo quy định tại Khoản 2, Điều 740 BLDS: “*tác phẩm được sáng tạo không phải trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ thì quyền tài sản thuộc về tác giả*”.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 740 BLDS và khoản 2 Điều 39 Luật SHTT quy định cụ thể về chủ sở hữu trong trường hợp cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng với tác giả hay trường hợp tác phẩm được tạo ra trên cơ sở hợp đồng giao việc. Thông thường bên giao việc và tác giả sẽ thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng giao việc để tạo ra tác phẩm ai là người nắm giữ các quyền tài sản đối với tác phẩm được tạo ra hoặc sự phân chia các quyền này như thế nào. Nếu các bên không có thỏa thuận nào, thì theo mặc định tại

khoản 3 Điều 740 BLDS và khoản 2 Điều 39 Luật SHTT tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo ra tác phẩm là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được tạo ra.

Để có một kho tàng khổng lồ các tác phẩm văn học, khoa học, nghệ thuật là đối tượng của quyền tác giả như đã nêu ở trên, các trường đại học, cao đẳng phải thu hút một số lượng lớn đội ngũ các nhà khoa học, các giảng viên cơ hữu, kiêm giảng, các nhà nghiên cứu khách mời theo dự án và các đối tác khác của trường như các nhà tài trợ, đầu tư nghiên cứu và thậm chí là người học, sinh viên thuộc các loại hình đào tạo. Tác giả của những tác phẩm này, không có gì tranh cãi, thuộc về cá nhân các giảng viên, nhà nghiên cứu nhưng việc xác định quyền của tác giả đến đâu và quyền của các trường đại học, cao đẳng đối với các tác phẩm được phát sinh trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ như thế nào, đặc biệt ai là chủ sở hữu các quyền tác giả này rất quan trọng.

Thí dụ một giảng viên, trong thời gian làm việc viết và xuất bản một quyển sách, tuy nhà trường không yêu cầu giảng viên phải làm như vậy cũng như không trả công cho việc này thì ai sẽ là chủ sở hữu quyền tác giả? Áp dụng quy định của BLDS và Luật SHTT đối với tác phẩm được tạo ra do thực hiện nhiệm vụ thì dù giảng viên là người lao động thuộc biên chế của trường đại học nhưng việc viết sách này lại không nằm trong nhiệm vụ cụ thể mà trường giao cho nên giảng viên đó vẫn là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm do mình tạo nên. Tuy nhiên trong thực tế việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả lại không hề đơn giản. Hiện nay, các trường đại học đang có xu hướng phát triển thành các trường đại học mạnh về nghiên cứu. Vì thế, nhà trường đòi hỏi các giảng viên ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy, còn phải tham gia nghiên cứu khoa học, cụ thể yêu cầu mỗi giảng viên tùy thuộc vào học hàm, học vị của mình, mỗi năm phải có công trình nghiên cứu khoa học nào đó như viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành, viết giáo trình, tham gia đề tài cấp bộ, cấp trường... Ngoài việc đảm bảo khối lượng giờ giảng dạy trên lớp thì đây là điều kiện đủ để giảng viên được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ do trường giao, được hưởng lương và đạt các danh hiệu khen thưởng. Tuy nhiên nếu khối lượng công trình khoa học của họ vượt quá định mức mà nhà trường đặt ra thì họ cũng không được trả tiền cho phần vượt quá đó. Trong trường hợp này, các giảng viên đã sử dụng thời gian, bỏ ra phần lớn tài sản và sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật của

mình để tạo ra tác phẩm. Vậy ai sẽ là chủ sở hữu quyền tác giả và có thể áp dụng quy định chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức giao nhiệm vụ ở đây được không? (Trần Văn Hải, 2009).

Việc phân biệt tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả rất quan trọng. Tác giả chỉ có thể giữ cho mình những quyền nhân thân không thể chuyển giao như đặt tên tác phẩm, đứng tên tác phẩm, bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, ngoài ra liên quan đến vấn đề lợi ích, tác giả còn có quyền được hưởng thù lao, nhuận bút và nhận giải thưởng còn lại các quyền tài sản khác và quyền công bố tác phẩm thuộc về chủ sở hữu quyền tác giả. Như vậy, xét về khía cạnh kinh tế thì chủ sở hữu quyền tác giả so với tác giả có nhiều lợi thế hơn vì chủ sở hữu quyền tác giả mới chính là người có độc quyền sử dụng, định đoạt tác phẩm như cho phép nhà xuất bản phát hành tác phẩm, cho phép dịch tác phẩm ra tiếng nước ngoài... mà không phải là các tác giả. Tất cả các chủ thể khác khi muốn sử dụng hay trình diễn tác phẩm đều phải xin phép hay trả thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả. Đề cập đến điều này một lần nữa để nhấn mạnh rằng nếu xác định một cách hợp lý chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm hình thành trong các trường đại học, cao đẳng sẽ có tác dụng thúc đẩy sự sáng tạo của các giảng viên, nhà nghiên cứu và ngược lại có thể kìm hãm sự sáng tạo của những nhà trí thức.

2. Một số vấn đề trong thực tiễn thực thi pháp luật về quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam

Hoạt động về quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng được điều chỉnh trực tiếp bởi Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 quy định về quản lý hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học (Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT). Thực chất đây là một chính sách mẫu do cơ quan quản lý giáo dục ban hành để hướng dẫn các học viện, trường đại học, trường cao đẳng, viện nghiên cứu khoa học thực hiện tốt hơn việc quản lý tài sản trí tuệ trong cơ sở giáo dục. Mục tiêu quản lý hoạt động SHTT là khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền SHTT và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở pháp lý này, các trường đại học, cao đẳng quy định cụ thể hơn cho phù hợp với tình hình thực tế trong cơ sở giáo dục.

Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT đã đưa ra các nội dung quản lý hoạt động SHTT cụ thể cũng như nêu rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại

học là phải chỉ đạo xây dựng chiến lược về SHTT và kế hoạch hoạt động SHTT của cơ sở giáo dục đại học, tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT, quy định cụ thể việc thực hiện hoạt động SHTT trong cơ sở giáo dục đại học, chỉ đạo các bộ phận liên quan trong cơ sở giáo dục đại học thực hiện và phối hợp với bộ phận chuyên trách thực hiện kế hoạch hoạt động SHTT của cơ sở giáo dục đại học... Một trong những thành công của Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT là đã đề cập đến và đưa ra các phương án giải quyết mang tính pháp lý những xung đột chủ yếu về quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng. Trên thực tế nếu các trường đại học, cao đẳng quán triệt được đầy đủ những chính sách liên quan đến vấn đề sở hữu quyền tác giả, vấn đề sử dụng tác phẩm được bảo hộ thì những chuyện ồn ào về quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng thời gian vừa qua có thể đã được hạn chế rất nhiều.

Điều 7 Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT về xác định quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ quy định: “1. Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được xác định tương ứng với tỷ lệ đóng góp nguồn lực để tạo ra tài sản trí tuệ, nếu các bên không có thỏa thuận khác; 2. Cơ sở giáo dục đại học phải dành một phần quyền sở hữu cho tác giả tạo ra tài sản trí tuệ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo”. Theo đó, các trường đại học, cao đẳng có thể căn cứ vào nguồn gốc và tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ để giải quyết mối quan hệ về quyền sở hữu với không chỉ các giảng viên, sinh viên trong trường mà còn đối với các đối tác khác ngoài trường.

Việc tạo ra các tác phẩm là đối tượng của quyền tác giả có thể do sử dụng hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước. Trong trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước ví dụ các giảng viên tham gia đề tài cấp bộ, cấp trường... thì chủ sở hữu quyền tác giả sẽ là các trường đại học, cao đẳng. Ngược lại trong trường hợp không sử dụng ngân sách nhà nước thì tác giả sẽ đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả.

Ngoài ra, việc xác định tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả của các khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, công trình khoa học của sinh viên cũng nảy sinh một số vấn đề mà các trường đại học, cao đẳng phải quy định rõ. Thông thường, sinh viên là tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm khoa học do họ sáng tạo ra trong quá trình học tập nghiên cứu. Tuy nhiên, sinh viên khi thực hiện các tác phẩm khoa học như khóa luận tốt nghiệp, luận văn hay nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường phân công các giảng viên là

người hướng dẫn, giúp sinh viên giải đáp những vấn đề khoa học có liên quan và nhiều khi người hướng dẫn khoa học còn cung cấp thông tin và ý tưởng cho sinh viên hoàn thành tác phẩm của mình. Vậy người hướng dẫn có phải là đồng tác giả của các tác phẩm khoa học đó không? Câu trả lời là không. Vì chỉ được coi là tác giả khi trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm. Sinh viên chính là người trực tiếp sáng tạo, đóng vai trò quyết định trong việc thể hiện ý tưởng và tạo nên tác phẩm, còn lại “*tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả*” (theo khoản 2 Điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan). Trường hợp sinh viên của các trường đại học thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học sinh viên và được nhà trường hỗ trợ kinh phí nghiên cứu thì ai sẽ là chủ sở hữu quyền tác giả? Có quan điểm cho rằng nhà trường đã đầu tư tài chính và giao nhiệm vụ cho sinh viên nên phải là chủ sở hữu quyền tác giả, ngược lại, quan điểm khác cho rằng không thể coi việc hỗ trợ kinh phí như là sự đầu tư tài chính để tác giả thực hiện nghiên cứu khoa học mà chỉ như một dạng hợp đồng tặng cho giữa nhà trường và sinh viên, và vì vậy số tiền đó thuộc về sinh viên và sinh viên phải là chủ sở hữu quyền tác giả. Về vấn đề này, khoản 3 và 4 Điều 7 Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT quy định: “3. Người học được hưởng một phần hoặc toàn bộ quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản đối với khóa luận (đồ án), luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học trên cơ sở được người hướng dẫn khoa học, các cộng sự chấp thuận và được cơ sở giáo dục đại học xác nhận. Việc sử dụng cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học để thực hiện khóa luận (đồ án), luận văn, luận án và công trình nghiên cứu khoa học tuân theo quy chế quản lý cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học. 4. Nếu các tổ chức, cá nhân có đầu tư nguồn lực cho việc thực hiện khóa luận (đồ án), luận văn, luận án của người học thì quyền sở hữu đối với khóa luận (đồ án), luận văn, luận án được xác định phù hợp với Khoản 1 của Điều này”.

Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT đã mở ra những giải pháp tương đối khả thi với độ mềm dẻo nhất định đối với các vấn đề liên quan đến việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng. Tuy nhiên mức độ thành công của nó như thế nào còn phụ thuộc rất nhiều vào sự vận dụng của

chính các cơ sở giáo dục, phụ thuộc vào việc các trường đại học cao đẳng sẽ áp dụng cách thức nào để xác định chủ sở hữu quyền tác giả: theo mặc định của pháp luật, hay căn cứ vào Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT để ban hành chính sách riêng về việc xác định chủ sở hữu quyền tác giả của cơ sở giáo dục hoặc có thể linh động tùy trường hợp cụ thể mà giao kết hợp đồng thỏa thuận riêng với tác giả.

Với các tài liệu được cung cấp và tìm kiếm qua mạng internet, tác giả đã tham khảo được một số Quyết định ban hành kèm theo quy định về quản lý hoạt động SHTT của các trường đại học Bách khoa Hà Nội, trường đại học Nha Trang, trường đại học Cần Thơ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh². Nhìn chung, các quy định này dù ban hành trước (trường hợp của trường đại học Bách khoa Hà Nội, trường đại học Cần Thơ) hay sau khi Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT được ban hành ngày 29/12/2008 đều đã thể hiện được những nội dung chính của hoạt động SHTT, tuy nhiên vẫn còn tương đối sơ sài, các trường vẫn chưa tận dụng được các quy định trao quyền của pháp luật cho các cơ sở giáo dục trong việc quy định vấn đề sở hữu quyền tác giả trong trường đại học. Cụ thể chưa phân định rõ ai là tác giả đối với các tác phẩm được hình thành trong trường đại học, ngoài quy định tại Điều 5 Quyết định số 201/QĐ/ĐHQG-KHCN ngày 04 tháng 3 năm 2009 về việc ban hành quy định SHTT trong Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh có đề cập đến quyền của tác giả trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ bằng cách dẫn chiếu đến các quy định của Luật SHTT còn lại các trường khác không dành một điều luật cụ thể nào để quy định các quyền của tác giả đối với tác phẩm hoặc nếu có đề cập thì lại được quy định chung với nội dung khác³, thậm chí có trường đại học còn quy định “*quyền chủ sở hữu là quyền của tổ chức, tập thể hoặc cá nhân cung cấp nguồn lực để tạo ra TSTT. Quyền tác giả là quyền của tổ chức, tập thể hoặc cá nhân trực tiếp tạo ra TSTT*”⁴. Việc sở hữu các tác phẩm của sinh viên không được đề cập hoặc tác phẩm của sinh viên cũng hưởng quy chế như tác phẩm của giảng viên⁵.

Bảo hộ quyền tác giả, từ góc độ của người tạo ra tác phẩm, chỉ có ý nghĩa nếu người tạo ra tác phẩm thực sự được hưởng lợi từ các tác phẩm đó, và điều này chỉ có ý nghĩa nếu chủ sở hữu quyền tác giả và tác giả nếu tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả có quyền cho hay không cho người khác sử dụng tác phẩm. Các hành vi sử dụng tác phẩm quan trọng nhất bao gồm: sao chép và phân phối, bán các tác phẩm; công bố, phổ biến, phát thanh, truyền hình

bao gồm các hành vi trình diễn, phân phối tác phẩm đến một số lượng đáng kể người sử dụng như trình diễn một vở kịch, phát hành một đĩa nhạc hay đưa một tác phẩm lên mạng internet; dịch, phóng tác, cải biên, chuyên thể, tuyên tập, chú giải... Mọi hành vi sử dụng tác phẩm không được sự đồng ý trước của chủ sở hữu quyền tác giả đều bị coi là xâm phạm quyền tác giả trừ các trường hợp sử dụng hạn chế do pháp luật quy định.

Các trường hợp ngoại lệ cụ thể được sử dụng các tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao được liệt kê tại khoản 1 Điều 25 Luật SHTT. Tuy nhiên các hành vi sử dụng ngoại lệ này phải thỏa mãn điều kiện nêu tại khoản 2 Điều 25 đó là không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Ngoài ra, các trường hợp sử dụng ngoại lệ kể trên không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính do việc áp dụng ngoại lệ những tác phẩm này có thể ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của tác phẩm. Điều đó có nghĩa là trong các trường đại học cao đẳng, việc sao chép tài liệu không cần phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút chỉ được phép nếu giảng viên tự sao chép một bản trong trường hợp nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, không nhằm mục đích thương mại và sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu với điều kiện là việc sao chép không quá một bản. Bên cạnh đó, thư viện không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số.

Ngoài các trường hợp kể trên, việc thư viện cung cấp dịch vụ bản sao tài liệu từ các luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp hoặc các sách chuyên khảo, giáo trình khác... để thu phí; việc giảng viên photocopy nhiều bản để phát cho sinh viên sử dụng như một nguồn tài liệu học tập cũng như việc sinh viên tự do photocopy giáo trình, tài liệu học tập khác mà không xin phép, trả tiền nhuận bút, thù lao là xâm phạm quyền tác giả, cụ thể là quyền sao chép, theo quy định tại Điều 28 Luật SHTT. Trong trường hợp việc photocopy tài liệu được thực hiện một cách có tổ chức và hệ thống thì không những bị coi là vi phạm quyền sao chép mà còn xâm phạm cả quyền phân phối tác phẩm của chủ sở hữu quyền tác giả.

Tuy nhiên một nguyên tắc rất quan trọng đối với pháp luật về quyền SHTT nói chung và pháp luật về quyền tác giả nói riêng cần phải xem xét ở đây là

nguyên tắc hài hòa hóa lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và lợi ích của xã hội. Vì thế có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh cách hiểu của Điều 25 Luật SHTT. Rõ ràng, nếu hiểu Điều 25 Luật SHTT như trên thì vô hình chung đã ảnh hưởng đến khả năng của công chúng sử dụng tác phẩm nhằm mục đích sáng tạo, trong đó có việc tiếp cận tài liệu của sinh viên để học tập. Cách hiểu thứ hai là pháp luật Việt Nam chỉ cấm photocopy toàn bộ tác phẩm, nếu chia nhỏ tác phẩm để photocopy nhiều lần hoặc photocopy một phần tác phẩm cũng không bị coi là có hành vi xâm phạm quyền tác giả. Nếu hiểu theo cách này thì cần phải quy định tỷ lệ cụ thể phần tác phẩm được phép photocopy nhằm mục đích sử dụng cá nhân là bao nhiêu để không bị coi là làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm và gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Trương tự, dịch vụ cung cấp bản sao tài liệu của các thư viện, nhất là tài liệu sao chụp là các xuất bản phẩm tiềm ẩn nhiều khả năng làm tổn hại đến quyền lợi về tài chính của các nhà xuất bản và tất dẫn đến những tổn hại quyền lợi của bản thân tác giả, chủ sở hữu tác phẩm nhưng theo Tuyên ngôn năm 1994 của UNESCO về thư viện công cộng thì “*các thư viện có chức năng giúp mọi người tiếp cận một cách tự do, không hạn chế đến các tư tưởng, văn hóa, văn minh*”. Như vậy, để việc cung cấp bản sao tài liệu của các thư viện tuân thủ theo đúng pháp luật, cần phải chứng tỏ được dịch vụ đó được tiến hành không vì mục đích lợi nhuận, và nhằm hỗ trợ người sử dụng dịch vụ có điều kiện thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng những nguồn di sản trí tuệ chung của nhân loại. Tuy nhiên các quy định của các trường đại học, cao đẳng (đã nêu ở trên) về hoạt động SHTT không hề đề cập đến việc sao chép tác phẩm thế nào là hợp lý để phục vụ việc học tập,

giảng dạy và nghiên cứu trong đơn vị mình.

Thông thường để khai thác tối đa các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả cần phải có đầu tư kinh phí và các kỹ năng chuyên nghiệp để sản xuất, quảng cáo, phổ biến cũng như phân phối rộng rãi. Chính vì vậy các trường đại học, cao đẳng thường thực hiện việc chuyển giao quyền đối với các tác phẩm được bảo hộ cho các nhà xuất bản, các công ty kinh doanh chuyên nghiệp thông qua các thỏa thuận hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tác phẩm và nhận được các khoản phí chuyển giao. Nhận thức rõ điều này, các trường đại học đều quy định việc quản lý và sử dụng tác phẩm, trong đó có quyền công bố tác phẩm, thuộc về nhà trường và ủy quyền cho bộ phận chuyên trách về SHTT thực hiện. Ngoài ra, nhà trường cùng tác giả tìm các biện pháp để khai thác, sử dụng sản phẩm và tài sản trí tuệ một cách hiệu quả nhất. Nhà trường phối hợp và tạo mọi điều kiện để tác giả triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa sản phẩm và tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, ngoài Đại học Bách khoa Hà Nội quy định sau thời hạn 5 năm mà trường không khai thác, sử dụng được các tài sản trí tuệ thì trường sẽ trao lại cho tác giả tự khai thác⁶ còn các trường khác đều không đề cập đến khả năng này mà chủ yếu quy định tác giả các sản phẩm này không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được trường đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện trường (bộ phận chuyên trách về SHTT) thương thảo với bên nhận chuyển nhượng⁷. Theo tinh thần hướng dẫn của khoản 4 Điều 4 Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT, các trường đều xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ trong đó có các tác phẩm là đối tượng của quyền tác giả. Ví dụ Đại học Bách Khoa Hà Nội quy định như bảng 1.

Bảng 1: Cơ chế và tỷ lệ phân chia thu nhập từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ

Giá trị tài sản trí tuệ (sau khi đã trừ các chi phí hợp lệ) triệu VNĐ (1)	Tác giả (%) (2)	Đơn vị công tác của tác giả (%) (3)		Trường (%) (4)
		Bộ môn, Trung tâm	Khoa, Viện	
< 100	60	7	3	30
100 ÷ 1000	55	7	3	35
> 1000	50	7	3	40

Nguồn: Điều 4, Quyết định số 150/QĐ-ĐHBK-KHCN ngày 30 tháng 5 năm 2008.

Mức thù lao hay nói cách khác kinh phí mà trường trả cho các tác giả để sử dụng tác phẩm hiện nay được quy định tại mỗi trường khác nhau nhưng nhìn chung vẫn còn quá thấp, chưa có tác dụng khuyến khích các nhà khoa học. Bản thân các nhà khoa học cũng không tính đến phương án khai thác thương mại các công trình nghiên cứu khoa học của mình mà đơn thuần chỉ coi đó như một đũa con tinh thần và nhà trường cũng chưa có sự đầu tư khai thác khía cạnh thương mại của những đối tượng tiềm năng này.

Trên thực tế khi truy cập các website của các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam thì những vấn đề về quản lý tài sản trí tuệ nói chung về quyền tác giả nói riêng còn bỏ trống, hoặc có đề cập đến nhưng còn đang cập nhật nội dung, tất cả những nội dung đã đề cập ở trên (chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về ai, tác giả có những quyền gì, sinh viên sử dụng và khai thác tác phẩm như thế nào là hợp lý...) không hề được đề cập đến. Trường đại học, cao đẳng nào cũng có bộ quy định nội bộ rất đầy đủ về quy chế thu chi nội bộ, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban hoặc cơ chế sử dụng cơ sở vật chất của trường... nhưng quy định về quản lý hoạt động SHTT thì lại hiếm hoi. Chưa đề cập đến những chính sách khuyến khích sáng tạo mang tầm chiến lược mà chỉ dừng ở việc cụ thể hóa những khuyến nghị tại Quyết định 78/2008/QĐ-BGDĐT thì không phải trường đại học, cao đẳng nào cũng làm được điều này. Dẫn đến thực trạng là các đề tài nghiên cứu khoa học sau khi ký hợp đồng và hoàn thành, các sách, giáo trình sau khi thẩm định và đưa vào sử dụng, khai thác thì việc xác định các vấn đề liên quan đến quyền tác giả giữa trường và tác giả chưa rõ (Lê Văn Hưng và Hồ Việt Tiến, 2011). Các giảng viên sau khi ký hợp đồng viết bài giảng, giáo trình cho trường nơi mình làm việc lại sử dụng nội dung đã xuất bản đó, biên soạn đi chút ít rồi lại đứng tên tác giả cho một giáo trình khác trong lĩnh vực tương tự nhưng do nhà xuất bản khác phát hành. Việc mời giảng viên kiêm giảng, thỉnh giảng giữa các trường là rất phổ biến. Các trường mời giảng thường yêu cầu giảng viên được mời phải nộp bài giảng để thẩm tra nội dung và sau khi kết thúc hợp đồng với giảng viên này, trường đương nhiên chuyển giao tập bài giảng này cho giảng viên cơ hữu của mình dựa vào đó tiếp tục giảng dạy đảm nhiệm môn học mà không cần mời giảng viên kiêm giảng nữa. Rõ ràng ở đây có sự vi phạm nghiêm trọng quyền cho phép sử dụng quyền tác giả của trường đại học nơi giảng viên kiêm giảng này công tác. Việc quản lý quyền

tác giả lỏng lẻo tại các trường đại học, cao đẳng dẫn đến việc rò rỉ các tài sản trí tuệ đặc biệt là đối với các trường đầu ngành với đội ngũ giảng viên có thâm niên giảng dạy lâu năm, sở hữu khối lượng lớn các tài sản trí tuệ từ giáo trình, bài giảng đến các chương trình đào tạo.

Hầu như tại các trường đại học cao đẳng không có quy định về chính sách quản lý tài sản trí tuệ nói chung và về quyền tác giả nói riêng thì cũng không tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT. Với các trường đại học đã ban hành quy định về quản lý hoạt động SHTT thì cách thức tổ chức bộ phận chuyên trách này cũng rất đa dạng. Căn cứ nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Bộ phận chuyên trách này có thể được tổ chức độc lập, trực thuộc Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc trực thuộc Phòng khoa học công nghệ. Ở Đại học Huế, Ban khoa học Công nghệ (có một Trưởng ban phụ trách) là đầu mối trong hệ thống quản lý SHTT trong Đại học Huế, ở các trường thành viên, khoa trực thuộc có Tổ quản lý SHTT thuộc Phòng Khoa học công nghệ hoặc một chuyên viên phụ trách (nếu chưa có điều kiện thành lập tổ) (Đoàn Đức Lương và Hồ Nhân Ái, 2011). Đại học Nha Trang cũng quy định bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động SHTT là Tổ SHTT trực thuộc Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế. Đại học Bách Khoa giao trách nhiệm quản lý sản phẩm và tài sản trí tuệ tại trường cho Phòng Khoa học - Công nghệ. Đại học Cần Thơ thì phân công trách nhiệm này cho Phòng Quản lý khoa học và Đào tạo sau đại học. Còn Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh lại giao cho các Quản trị viên SHTT là các cá nhân được Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh công bố trong danh sách quản trị viên về SHTT của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh hàng năm, chịu trách nhiệm quản lý tài sản SHTT của đơn vị (các trường, khoa và trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ trực thuộc) mà cá nhân đang công tác. Nói chung, bộ phận này đều không được tổ chức độc lập mà hầu hết là trực thuộc Phòng khoa học công nghệ. Mà nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Phòng khoa học công nghệ là tìm kiếm, xúc tiến, tiếp nhận, khai thác các đề tài khoa học và công nghệ các cấp, các dự án thuộc ngân sách nhà nước; quản lý hệ thống đề tài, dự án, các hoạt động có liên quan đến khoa học và công nghệ cũng như theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đề tài, dự án đó. Thậm chí Phòng khoa học công nghệ không hề có một chuyên viên nào làm việc chuyên trách về hoạt động quản lý tài sản trí tuệ

mà chủ yếu là kiêm nhiệm. Chính vì chủ yếu chỉ tập trung vào việc quản lý các dự án nên hoạt động quản lý quyền SHTT trong đó có việc hỗ trợ đăng ký quyền tác giả chỉ là mối quan tâm thứ yếu của Phòng khoa học và công nghệ, đó là chưa kể đến việc xúc tiến thương mại, tiếp thị nhằm tìm kiếm đối tác tiềm năng để khai thác, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học của các trường đại học, cao đẳng thì quả thực là quá sức của Phòng này⁸.

Tình trạng quản lý các đối tượng quyền tác giả hiện nay tại các trường đại học, cao đẳng rõ ràng còn thiếu chặt chẽ. Các nhà khoa học là tác giả của đề tài nghiên cứu khoa học, giáo trình... mà không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả lại có những ứng xử như thể là chủ sở hữu của quyền tác giả mà các trường đại học, cao đẳng không hề biết và không được hưởng lợi ích gì và ngược lại đôi lúc các trường lại thân nhiên khai thác các tác phẩm được bảo hộ của giảng viên, sinh viên mà không hề cân nhắc đến quyền lợi của họ.

3. Một số đề xuất hoàn thiện

Từ thực trạng trên, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy chế pháp lý về quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam như sau:

Thứ nhất, trước khi đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những tồn tại bộc lộ trong quá trình thực thi pháp luật về quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng cần phải có sự thay đổi từ nhận thức mang tính cách mạng của các trường đại học, cao đẳng. Tất cả sự thay đổi phải bắt đầu từ nhận thức, nhà trường phải thực sự nhận thức được về việc cần thiết phải có chiến lược và chính sách về SHTT nói chung và về quyền tác giả nói riêng (Trần Lê Hồng, 2010). Chính sách về quyền tác giả là một tuyên ngôn về sự cam kết không xâm phạm quyền tác giả của người khác khi sử dụng, khai thác các tác phẩm là đối tượng bảo hộ quyền tác giả tại nhà trường và đảm bảo cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao có văn hóa tôn trọng quyền tác giả trong giảng dạy, nghiên cứu và học tập. Chính sách về quyền tác giả tại các trường đại học, cao đẳng không thể nằm ngoài chiến lược về khoa học công nghệ và SHTT quốc gia nhưng chính sách về quyền tác giả trong các trường, về bản chất, lại chính là quy chế riêng của nhà trường nhằm xác định việc bảo hộ, quản lý, khai thác, bảo vệ quyền tác giả. Quyền tác giả phải được nhìn nhận như là một công cụ để triển khai các hoạt động giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu chứ không phải chỉ đơn thuần coi việc tạo ra được thật nhiều tác phẩm là đối tượng

bảo hộ quyền tác giả đã là mục đích cuối cùng của các trường đại học, cao đẳng. Chính vì thế, khi xây dựng chính sách về quyền tác giả, mỗi trường khác nhau phải xác định rõ sứ mệnh ưu tiên của nhà trường và mục tiêu cụ thể của chính sách về quyền tác giả.

Thứ hai, các trường đại học, cao đẳng nhất thiết phải thành lập đơn vị chuyên trách về SHTT của trường. Bộ phận này chính là đầu mối chuyên trách theo dõi, giám sát và triển khai các nội dung liên quan đến SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng, chẳng hạn như: phán đoán khả năng các nghiên cứu được bảo hộ sáng chế, giải pháp kỹ thuật hay quyền tác giả,... xây dựng quy định về bảo hộ quyền tác giả, tư vấn ký kết hợp đồng với giảng viên trong việc biên soạn giáo trình, phân định quyền tác giả và việc quản lý, khai thác giáo trình, hỗ trợ giảng viên trong các thủ tục đăng ký quyền tác giả, xin giấy phép và ký hợp đồng dịch thuật, biên khảo với bên ngoài, định giá giá trị tiềm năng và tổ chức khai thác thương mại các tài sản trí tuệ này, cung cấp thông tin và hướng dẫn tài liệu học tập cho sinh viên, khai thác các nguồn tài liệu (kết hợp với các khoa), kịp thời xử lý những xung đột liên quan đến quyền tác giả...

Thứ ba, Trong thời gian tới, các trường đại học, cao đẳng phải tích cực triển khai chương trình đào tạo về SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng, đặc biệt cần thiết phải có kế hoạch tổ chức thực hiện các kết quả nghiên cứu về chương trình giảng dạy SHTT đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai và nghiệm thu từ các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ trọng điểm về nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đưa SHTT vào giảng dạy và đào tạo tại các trường đại học cũng như về xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy SHTT trong các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học kinh tế, lĩnh vực kỹ thuật và lĩnh vực nông - lâm - y - dược nhằm giáo dục ý thức tôn trọng và góp phần nâng cao hiệu quả bảo hộ quyền SHTT nói chung và pháp luật về quyền tác giả nói riêng.

Thứ tư, nên hết sức chú trọng tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này đối với sinh viên và cả đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học. Sinh viên là người làm chủ khoa học kỹ thuật trong tương lai của đất nước, những người thực hiện không ngừng các hoạt động sáng tạo. Chính vì vậy, bản thân họ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần phải được hình thành văn hóa tôn trọng quyền tác giả của người khác và quan trọng hơn là họ phải nhận thức được và biết

cách sử dụng, khai thác lợi ích từ việc bảo hộ quyền tác giả. Đối với các giảng viên, nhà nghiên cứu yêu cầu về nhận thức và thực hiện pháp luật về quyền tác giả còn cao hơn, vì vậy các trường đại học, cao đẳng cần thiết phải quy định các chế tài đủ mạnh để xử lý vi phạm về quyền tác giả đối với cả giảng viên và sinh viên như cảnh cáo, hủy hợp đồng, bồi thường các thiệt hại dân sự khác, tước bằng... có vậy mới hạn chế và ngăn ngừa được các hành vi vi phạm về quyền tác giả trong các trường đại học, cao đẳng.

Thứ năm, để tránh các tranh chấp không đáng có về quyền tác giả giữa các giảng viên, sinh viên và đối tác khác với các trường đại học, cao đẳng thì việc quy định chính sách xác định tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với các tác phẩm phát sinh từ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo trong nhà trường cũng như việc phân chia lợi ích thu được từ các tác phẩm đó là hoàn toàn cần thiết. Đồng thời các chính sách này cũng giúp nhà trường hoặc chính bản thân các tác giả có cơ sở để tối đa hóa kết quả khai thác thương mại các nghiên cứu trong nhà trường. Khi xây dựng các chính sách về việc phân chia lợi ích liên quan đến quyền tác giả cần phải chú trọng ba mục tiêu: (1) phải dành cho tác giả một phần lợi nhuận đủ lớn để khen thưởng, bù đắp cho công sức sáng tạo của tác giả và khuyến khích họ chủ động, ủng hộ tích cực quá trình khai thác

thương mại tài sản trí tuệ; (2) lợi nhuận còn lại phải được rót trực tiếp vào quỹ phát triển nghiên cứu khoa học hay quỹ sử dụng tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả tùy theo nhu cầu của từng trường với mục tiêu đầu tư cho hoạt động sáng tạo; (3) việc phân chia lợi ích phải dễ hiểu và dễ thực hiện. Một số vấn đề khác liên quan khi phân chia lợi ích cũng cần phải lưu ý đến như thời điểm phân chia, các giới hạn lợi ích của tác giả, chi tiết các chi phí thương mại hóa được khấu trừ cũng như tính đến các hình thức phân chia lợi ích khác mà không phải là tiền mặt...

Thứ sáu, cần quản lý chặt chẽ hoạt động sao chép, hệ thống mạng internet và phần mềm máy tính tại các trường đại học, cao đẳng. Các quy định về việc sao chụp này được phổ biến rộng rãi đến tất cả giảng viên, nhân viên và sinh viên trong trường. Ngoài ra các trường phải tự áp dụng các biện pháp công nghệ để hạn chế việc in lậu sách báo, giáo trình được bảo hộ bản quyền của mình như dán tem chống làm giả, cung cấp giáo trình điện tử với giá ưu đãi cho sinh viên, tăng cường số lượng đầu sách trong thư viện, tổ chức ngày hội trao đổi sách báo cũ, thực hiện dịch vụ mượn giữa các thư viện, cho phép mượn từ xa hoặc thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử giữa các trường...□

Chú thích:

1. Nên hiểu danh sách liệt kê tại Điều 14 Luật SHTT là danh sách “mở”, phù hợp với quy định tại Điều 2 của Công ước Berne (1886): “*Thuật ngữ “các tác phẩm văn học và nghệ thuật bao gồm tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, bất kể được thể hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào, chẳng hạn như sách, cuốn sách nhỏ, và các bài viết khác;...*” và Điều 737 BLDS “*mọi sản phẩm sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học*”. Cụm từ “*chẳng hạn như*”, “*mọi*” đã để ngỏ cho các sáng tạo khác ngoài những đối tượng đã được liệt kê trong danh sách này.
2. Có thể những Quyết định này còn được các trường có liên quan sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, tuy nhiên tác giả xin phép được bình luận theo nội dung Quyết định tại thời điểm thực hiện bài viết.
3. Điều 1 Quyết định số 425 ngày 05 tháng 12 năm 1999 về quy định quản lý và sử dụng sản phẩm trí tuệ của trường đại học Cần Thơ.
4. Khoản 1 Điều 9 Quyết định số 556/QĐ-ĐHNT-KHCN-HTQT ngày 26/05/2010.
5. Khoản 15 Điều 1 Quyết định số 556/QĐ-ĐHNT-KHCN-HTQT ngày 26/05/2010.
6. Điều 5 Quyết định số 150/QĐ-ĐHBK-KHCN ngày 30 tháng 5 năm 2008.
7. Điều 7 Quyết định số 201/QĐ-ĐHQG-KHCN ngày 04 tháng 3 năm 2009.
8. Bên cạnh đó, có những cơ sở giáo dục bước đầu đã nhận thức và có những động thái rất tốt trong việc quản lý tài sản trí tuệ của mình. Điển hình đó là Khoa Luật, Đại học Huế. Khoa đã lập danh mục tài sản trí tuệ bao gồm các chương trình, dự án, đề tài khoa học công nghệ các cấp và đánh giá khả năng chuyển giao và thương mại hóa cũng như các đối tác tiềm năng cần hướng tới và tải công khai lên trên website của mình. Đây thực sự là cách làm hay và thể hiện sự quan tâm tập thể lãnh đạo và giảng viên của Khoa Luật, Đại học Huế đối với việc quản lý những tác phẩm của mình.

Tài liệu tham khảo:

Lê Nét (2006), *Quyền sở hữu trí tuệ*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh, tr. 67.

Trần Lê Hồng (2010), *Chuyên khảo về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực khoa học kinh tế*, Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ (mã số: B2008-09-75 TĐ, chủ nhiệm đề tài TS. Lê Văn Hưng), TP. Hồ Chí Minh, tr. 73.

Trần Văn Hải (2009), 'Xác định chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học', *Tạp chí hoạt động khoa học*, số 598.

Lê Văn Hưng và Hồ Viết Tiến (2011), *Trường đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh với việc quản lý, khai thác và thực hiện nghĩa vụ khi sử dụng tài sản trí tuệ*, Kỷ yếu Hội thảo Thực thi luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường đại học, Cục bản quyền tác giả tổ chức tại Đà Nẵng tháng 7 năm 2011.

Đoàn Đức Lương và Hồ Nhân Ái (2011), *Đại học Huế với việc quản lý, khai thác và thực hiện nghĩa vụ khi sử dụng tài sản trí tuệ*, Kỷ yếu Hội thảo Thực thi luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan trong trường đại học, Cục bản quyền tác giả tổ chức tại Đà Nẵng tháng 7 năm 2011.

Trần Lê Hồng (2010), *Xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ: những kinh nghiệm*, Kỷ yếu Hội thảo về quyền sở hữu trí tuệ với việc hội nhập sâu của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu, Hà Nội, 11-12/05/2010.

Improving regulations on copyright protection in Vietnam universities

Abstract:

Universities and colleges is the birthplace of works protected under the copyright law. This also presents other complicated questions about the application of copyright protection to many scholarly works and teaching materials. Manuals, reference books, scientific research, doctoral theses, master's theses are the most valuable assets of such professional training and education institutions. However, these resources have not received adequate attention as should be given, leading to many disputes. This paper analyses the current status of copyright management policy and provides some solutions to enhancing the legal status of copyright protection in Vietnam universities.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Anh Tú**, thạc sĩ, nghiên cứu sinh

- Nơi công tác: Nhà xuất bản, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Luật xuất bản, Quản lý nhà nước về xuất bản, Luật sở hữu trí tuệ, Luật doanh nghiệp, Luật hợp đồng, Luật ngân hàng

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và phát triển*

Email: tuna@neu.edu.vn;

**** Nguyễn Thị Hồng Hạnh**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Khoa Luật, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hanhnh@neu.edu.vn